

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: **43/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 09-4-2018
V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Duy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**
2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 169/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 2 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 ngày 4 tháng 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Ngọc Hoàng O**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn T**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: D19/6 ấp D, xã E, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà O và ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 24/01/2018, bản tự khai ngày 29/3/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Hoàng O trình bày:

Bà và ông **Trần Văn T** tự quen biết tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2014. Khi chung sống bà và ông T có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến giữa năm 2015

thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng nhiều lần ngồi hòa giải nhưng không thành nên từ cuối năm 2015 vợ chồng ông bà không còn chung sống cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Bình M, sinh ngày 13/8/2014. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi trẻ M, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bản tự khai ngày 29/3/2018 và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Ngọc Hoàng O tự quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2014. Khi chung sống ông bà có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên không tiếp tục sống chung từ cuối năm 2015. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý yêu cầu ly hôn của bà O.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Bình M, sinh ngày 13/8/2014, khi ly hôn ông đồng ý giao trẻ M cho bà O nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông không có ý kiến, yêu cầu gì khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Bà Nguyễn Ngọc Hoàng O khởi kiện yêu cầu ly hôn với Trần Văn T. Ông T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Ngọc Hoàng O và ông Trần Văn T xác nhận ông bà chung sống với nhau từ năm 2014 do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

[5] Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với*

nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[6] Đối chiếu với những quy định trên thì quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông T không được pháp luật thừa nhận nên Hội đồng xét xử tuyên bố bà O và ông T không phải là vợ chồng.

[7] Về con chung: Bà O và ông T xác nhận ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Bình M, sinh ngày 13/8/2014. Ông bà thống nhất thỏa thuận giao trẻ M cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Bà O và Tuôi xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Hoàng O chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận bà Nguyễn Ngọc Hoàng O và ông Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung:

2.1. Giao trẻ Nguyễn Bình M, sinh ngày 13/8/2014 cho bà Nguyễn Ngọc Hoàng O trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Trần Văn T.

2.2. Ông T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà O và Tuổi xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Hoàng O chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà O đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0031476 ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM; (1)
- VKSND H. BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: hồ sơ, VT. (3)

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đỗ Thị Duy Linh